|  |  |
| --- | --- |
| PH TRƯỜNG PT DTNT TỈNH TẠI HUYỆN IA H'DRAI **TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI** -------------------- *(Đề thi có 03 trang)* | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023 - 2024 MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT 11** *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên:....................................................... | Số báo danh: .......................... | **Đề gốc** |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: *Hãy chọn đáp án đúng nhất(7 điểm).***

**Câu 1.** Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

**A.** lợi tức. **B.** tranh giành. **C.** cạnh tranh. **D.** đấu tranh.

**Câu 2.** Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

**A.** ganh đua. **B.** thỏa hiệp. **C.** thỏa mãn. **D.** ký kết.

**Câu 3.** Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

**A.** Giành ưu thế về khoa học và công nghệ.

**B.** Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.

**C.** Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.

**D.** Triệt tiêu mọi lợi nhuận kinh doanh.

**Câu 4.** Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

**A.** lao động. **B.** thị trường. **C.** lợi nhuận. **D.** nhiên liệu.

**Câu 5.** Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

**A.** lạm phát. **B.** thất nghiệp. **C.** cạnh tranh. **D.** khủng hoảng.

**Câu 6.** Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

**A.** cầu. **B.** tổng cầu. **C.** tổng cung. **D.** cung.

**Câu 7.** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì xác định tương ứng với giá cả và

**A.** khả năng xác định. **B.** sản xuất xác định.

**C.** nhu cầu xác định. **D.** thu nhập xác định.

**Câu 8.** Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

**A.** Chi phí sản xuất. **B.** Giá cả.

**C.** Năng suất lao động. **D.** Nguồn lực.

**Câu 9.** Trường hợp nào sau đây được gọi là cung?

**A.** Công ty A xây dựng nhà máy sản xuất hàng hóa.

**B.** Anh A khảo sát nhu cầu thị trường để sản xuất hàng hóa.

**C.** Công ty A ngày mai sẽ sản xuất thêm 1 triệu sản phẩm.

**D.** Công ty B thảo kế hoạch sản xuất 1 triệu sản phẩm.

**Câu 10.** Biểu hiện nào dưới đây **không** phải là cung?

**A.** Quần áo được bày bán ở các cửa hàng thời trang

**B.** Đồng bằng sông Cửu Long chuẩn bị thu hoạch 10 tấn lúa để xuất khẩu

**C.** Công ty sơn H hàng tháng sản xuất được 3 triệu thùng sơn để đưa ra thị trường

**D.** Rau sạch được các hộ gia đình trồng để ăn, không bán

**Câu 11.** Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

**A.** lao động. **B.** cạnh tranh. **C.** thất nghiệp. **D.** cung cầu.

**Câu 12.** Trong hoạt động sản xuất, lao động có vai trò như là một yếu tố

**A.** đầu vào. **B.** đầu ra. **C.** thứ yếu. **D.** độc lập.

**Câu 13.** Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

**A.** lạm phát. **B.** tiền tệ. **C.** cung cầu. **D.** thị trường.

**Câu 14.** Trong nền kinh tế, dấu hiệu cơ bản để nhận biết nền kinh tế đó đang ở trong thời kỳ lạm phát đó là sự

**A.** tăng giá hàng hóa, dịch vụ. **B.** giảm giá hành hóa, dịch vụ.

**C.** gia tăng nguồn cung hàng hóa. **D.** suy giảm nguồn cung hàng hóa.

**Câu 15.** Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở một con số hằng năm từ 0% đến dưới 10% khi đó nền kinh tế có mức độ

**A.** lạm phát vừa phải. **B.** lạm phát phi mã.

**C.** siêu lạm phát. **D.** lạm phát tuyệt đối.

**Câu 16.** Một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là trong quá trình sản xuất có sự tăng giá của

**A.** các yếu tố đầu vào. **B.** các yếu tố đầu ra.

**C.** cung tăng quá nhanh. **D.** cầu giảm quá nhanh.

**Câu 17.** Đối với hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, khi lạm phát xảy ra sẽ khiến hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn vì

**A.** chi phí sản xuất tăng cao. **B.** chi phí sản xuất giảm xuống.

**C.** không nhận được hỗ trợ vốn. **D.** không được tái cấp vốn.

**Câu 18.** Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

**A.** thất nghiệp. **B.** lạm phát. **C.** thu nhập. **D.** khủng hoảng.

**Câu 19.** Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

**A.** vị trí. **B.** việc làm. **C.** bạn đời. **D.** chỗ ở.

**Câu 20.** Khi người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành khi đó người lao động đó đang

**A.** trưởng thành. **B.** phát triển. **C.** thất nghiệp. **D.** tự tin.

**Câu 21.** Đối với người lao động, khi bị thất nghiệp sẽ làm cho đời sống của người lao động

**A.** có khả năng cải thiện. **B.** gặp nhiều khó khăn.

**C.** được cải thiện đáng kể. **D.** ngày càng sung túc.

**Câu 22.** Đối với vấn đề giải quyết việc làm, chính sách nào dưới đây sẽ góp phần hạn chế tình trạng thất nghiệp ở nước ta hiện nay?

**A.** Mở rộng xuất khẩu lao động. **B.** Đẩy mạnh trợ cấp thất nghiệp.

**C.** Tăng thuế đối với doanh nghiệp. **D.** Tăng thuế xuất khẩu hàng hóa.

**Câu 23.** Ngành H thay đổi phương thức sản xuất nên một số lao động bị mất việc trong trường hợp này gọi là

**A.** thất nghiệp tạm thời **B.** thất nghiệp chu kì

**C.** thất nghiệp cơ cấu. **D.** thất nghiệp cơ cấu.

.

**Câu 24.** Là sự thỏa thuận giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động về tiền công, tiền lương và các điều kiện làm việc khác là nội dung của khái niệm

**A.** thị trường lao động. **B.** thị trường tài chính.

**C.** thị trường tiền tệ. **D.** thị trường công nghệ

**Câu 25.** Thị trường lao động là nơi diễn ra thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động được thể hiện cụ thể trong

**A.** hợp đồng lao động. **B.** Hiến pháp.

**C.** Luật lao động. **D.** Điều lệ công ty

**Câu 26.** Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, các doanh nghiệp có xu hướng tuyển dụng lao động

**A.** chất lượng cao. **B.** chất lượng thấp. **C.** không đào tạo. **D.** không trình độ.

**Câu 27.** Gia đình bạn H đang là học sinh lớp 11 có nghề mây tre đan thủ công mỹ nghệ nổi tiếng trong vùng. Được sự đồng ý của gia đình và hướng dẫn của bố mẹ H, sau giờ học H cùng các bạn trong lớp đến để làm kiếm thêm thu nhập mua sách vở, tài liệu phục vụ cho việc học tập. Xét về mặt kinh tế, H và các bạn trong lớp đã tiến hành là hoạt động nào dưới đây?

**A.** Tiêu dùng. **B.** Kinh doanh. **C.** Lao động. **D.** Phân phối.

**Câu 28.** Sau khi tốt nghiệp đại học, H làm hồ sơ và tham gia buổi tư vấn giới thiệu việc làm do trung tâm X tổ chức. Tại đây, H được công ty Z ký hợp đồng thử việc ba tháng. Trong trường hợp này H đã tham gia vào thị trường lao động với tư cách là chủ thể nào dưới đây?

**A.** Người lao động. **B.** Người sử dụng lao động.

**C.** Trung tâm môi giới. **D.** Người môi giới.

**PHẦN II. TỰ LUẬN:**

**Câu 1 (2,0 điểm):**Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm sau? Vì sao?

a. Người lao động làm việc trong các cơ quan nhà nước mới được coi là có việc làm.

b. Nhu cầu tuyển dụng lao động thường tăng lên vào dịp cuối năm.

c. Để hỗ trợ các doanh nghiệp và người lao động, các cơ quan hữu quan phải chia sẻ nguồn dữ liệu về cung - cầu lao động.

d. Người làm giúp việc cho một gia đình được coi là có việc làm.

**Câu 2 (1,0 điểm):**Em hãy nhận xét việc làm của các tổ chức, cá nhân dưới đây:

**Trường hợp a.** Xã A sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tổ chức hai khoá dạy nghề mây tre đan xuất khẩu nhằm giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương. Sau đó, các học viên này vẫn không có việc làm vì không có bất cứ một dự án sản xuất mây tre đan nào được tổ chức tại địa phương.

**Trường hợp b.** Khi tỉ lệ thất nghiệp tăng cao, chính quyền xã X đã đến từng hộ gia đình thống kê số người thất nghiệp đề tìm giải pháp kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp, nhưng một số gia đình không hợp tác vì cho rằng Nhà nước không thể giải quyết được vấn đề này.

***------ HẾT ------***

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| Đáp án | **C** | **A** | **A** | **C** | **C** | **D** | **D** | **A** | **C** | **D** |
| Câu | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| Đáp án | **A** | **A** | **A** | **A** | **A** | **A** | **A** | **A** | **B** | **C** |
| Câu | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |  |  |
| Đáp án | **B** | **A** | **D** | **A** | **A** | **A** | **C** | **A** |  |  |

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1 (2,0 điểm):**

a. Không đồng tình, vì việc làm là mọi dạng hoạt động lao động đem lại thu nhập hợp pháp cho bản thân người lao động và gia đình.

b. Đồng tình, vì vào dịp cuối năm nhu cầu hàng hoá ngày tăng, các đơn vị sản xuất phải tăng cường sản xuất, cung ứng hàng hoá, hoàn thành kế hoạch sản xuất trong năm, do vậy, nhu cầu lao động tăng lên.

c. Đồng tình, vì thị trường việc làm là thị trường trong đó các dịch vụ việc làm cung ứng cho người sử dụng lao động và người đang tìm kiếm việc làm gặp nhau để xác định mức độ có việc làm và mức tiền công của người lao động trong từng thời kì nhất định. Do vậy, để hỗ trợ các doanh nghiệp và người lao động, các cơ quan hữu quan phải chia sẻ nguồn dữ liệu về cung – cầu lao động.

d. Đồng tình, vì giúp việc cho gia đình được coi là công việc mang lại nguồn thu nhập ổn định và hợp pháp cho người lao động.

**Câu 2 (1,0 điểm):**

**Trường hợp a.** Nhà nước luôn khuyến khích và tạo ra các điều kiện thuận lợi để người lao động tự tạo việc làm. Do vậy, Nhà nước cũng khuyến khích các địa phương thống kê tỉ lệ thất nghiệp tại địa phương, tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất các giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động. Việc xã A sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tổ chức hai khoá dạy nghề mây tre đan xuất khẩu nhằm giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương nhưng sau đó, các học viên này vẫn không có việc làm vì không có bất cứ một dự án sản xuất mây tre đan nào được tổ chức tại địa phương do xã A đã tổ chức dạy nghề không căn cứ vào nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp ở địa phương gây ra sự lãng phí cho ngân sách nhà nước và thời gian của nhân dân, cần kiểm điểm và quy trách nhiệm cho những cá nhân làm sai.

**Trường hợp b.**Chính quyền xã X đã thực hiện theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. Nhưng một số gia đình không hợp tác vì cho rằng Nhà nước không thể giải quyết được vấn đề này. Đây là nhận thức sai lầm của một số người dân, cần phải tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của họ.